

**THÔNG BÁO**

**Về việc ban hành cấu trúc bài kiểm tra tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2024 - 2025**

**Trường Trung học cơ sở Ngoại ngữ, Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN**

*Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia Hà Nội và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;*

*Căn cứ Quyết định số 2755/QĐ-ĐHNN ngày 25/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân quận Cầu Giấy về việc thành lập Trường Trung học Cơ sở Ngoại ngữ, trực thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-PGD ngày 29/3/2019 của Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Cầu Giấy về việc cho phép hoạt động giáo dục đối với Trường Trung học cơ sở Ngoại ngữ, trực thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;*

Trường Trung học cơ sở Ngoại ngữ ban hành cấu trúc bài kiểm tra tuyển sinh vào lớp 6 Trường Trung học cơ sở Ngoại ngữ trực thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội năm học 2024 - 2025 (đính kèm cấu trúc đề thi).

Nhà trường xin thông báo để phụ huynh và các em học sinh chủ động ôn tập để đạt kết quả cao nhất trong kì tuyển sinh vào lớp 6 của Trường Trung học cơ sở Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN năm học 2024 - 2025.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- CBGV, PHHS, HS; MP6

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Nguyễn Huyền Trang**



**CẤU TRÚC BÀI KIỂM TRA TUYỂN SINH LỚP 6**  
**TRƯỜNG THCS NGOẠI NGỮ NĂM HỌC 2024 - 2025**  
(Kèm theo Thông báo số 155 /TB-THCSNN ngày 23 tháng 11 năm 2023)

**THÔNG TIN CHUNG**

STT	Bài kiểm tra	Thời gian	Số câu hỏi
1	Đánh giá năng lực Khoa học tự nhiên và Toán	40 phút	12
2	Đánh giá năng lực Khoa học xã hội và Tiếng Việt	40 phút	12
3	Đánh giá năng lực Tiếng Anh	50 phút	22

**Thang điểm:** Điểm mỗi bài kiểm tra được tính trên thang 10.

**Điểm tuyển sinh (ĐTS)** vào trường là tổng điểm các bài kiểm tra, thang điểm 40.

$$\text{ĐTS} = \text{Điểm ĐGNL KHTN\&Toán} + \text{Điểm ĐGNL KHXX\&Tiếng Việt} + \text{Điểm ĐGNL Tiếng Anh} \times 2$$

**Điều kiện xét tuyển:** Chỉ xét tuyển đối với học sinh đã tham dự đủ các bài kiểm tra theo quy định, không vi phạm Quy chế trong kỳ kiểm tra đến mức hủy kết quả kiểm tra và các bài kiểm tra đều đạt điểm lớn hơn 2,0 theo thang điểm 10.

**THÔNG TIN CHI TIẾT**

**BÀI KIỂM TRA 1: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ TOÁN**

**Thời gian làm bài:** 40 phút

**Tổng số câu hỏi:** 12

**Cách tính điểm:**

- Câu 1-10: 0,5 điểm/ câu
- Câu 11: 2 điểm
- Câu 12: 3 điểm

<b>KHOA HỌC TỰ NHIÊN</b> (5 câu hỏi)	
Dạng thức câu hỏi	Mô tả
Trắc nghiệm	<p>Các câu hỏi liên quan tới kiến thức thuộc các môn khoa học tự nhiên trong chương trình giáo dục tiểu học, chủ yếu nằm trong chương trình lớp 4 và lớp 5 hiện hành của Bộ GD&amp;ĐT.</p> <p>Học sinh chọn 01 đáp án đúng nhất trong 04 lựa chọn để trả lời mỗi câu hỏi. Nội dung các câu hỏi có thể liên quan tới kiến thức cơ bản về :</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Sự trao đổi chất, nhu cầu dinh dưỡng, sự sinh sản, sự lớn lên của cơ thể người.</li><li>• Sự trao đổi chất, sự sinh sản của thực vật, động vật.</li><li>• Cách phòng tránh một số bệnh thông thường và bệnh truyền nhiễm.</li><li>• Đặc điểm chung và riêng của một số sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên.</li><li>• Đặc điểm và ứng dụng của một số chất, vật liệu và nguồn năng lượng thường gặp trong đời sống và sản xuất.</li><li>• Quy tắc vệ sinh, an toàn cho bản thân, gia đình và cộng đồng, bảo vệ môi trường xung quanh; ...</li></ul>



<b>TOÁN</b> (7 câu hỏi)	
Dạng thức câu hỏi	Mô tả
5 câu trắc nghiệm 2 câu tự luận	<p>Các câu hỏi liên quan tới kiến thức môn Toán thuộc chương trình giáo dục tiểu học, chủ yếu nằm trong chương trình lớp 4 và lớp 5 hiện hành của Bộ GD&amp;ĐT.</p> <p>Học sinh chọn 01 đáp án đúng nhất trong 04 lựa chọn để trả lời mỗi câu hỏi trắc nghiệm. Học sinh giải bài tập đối với các câu hỏi tự luận. Nội dung các câu hỏi có thể liên quan tới:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Số tự nhiên, phân số, hỗn số, số thập phân, tỉ số phần trăm.</li> <li>• Đại lượng độ dài, khối lượng, diện tích, thể tích, thời gian.</li> <li>• Chu vi, diện tích, thể tích các hình thang, hình tam giác, hình tròn, hình hộp chữ nhật, hình lập phương.</li> <li>• Bài toán về chuyển động đều; bài toán có liên quan đến các phép tính với số đo thời gian; ...</li> </ul>

**BÀI KIỂM TRA 2: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ TIẾNG VIỆT**

**Thời gian làm bài:** 40 phút

**Tổng số câu hỏi:** 12

**Cách tính điểm:**

- Câu 1-10: 0,5 điểm/ câu
- Câu 11: 2 điểm
- Câu 12: 3 điểm

<b>KHOA HỌC XÃ HỘI</b> (5 câu hỏi)	
Dạng thức câu hỏi	Mô tả
Trắc nghiệm	<p>Các câu hỏi liên quan tới kiến thức thuộc các môn khoa học xã hội (Lịch sử - Địa lý - Đạo đức) trong chương trình giáo dục tiểu học, chủ yếu nằm trong chương trình lớp 4 và lớp 5 hiện hành của Bộ GD&amp;ĐT.</p> <p>Học sinh chọn 01 đáp án đúng nhất trong 04 lựa chọn cho sẵn để trả lời mỗi câu hỏi. Nội dung các câu hỏi có thể liên quan tới:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiến thức cơ bản về địa lí, lịch sử của địa phương, vùng miền, đất nước Việt Nam và các nước láng giềng; Một số nét cơ bản về địa lí, lịch sử thế giới; Khả năng vận dụng kiến thức địa lý, lịch sử vào thực tiễn.</li> <li>• Kiến thức cơ bản về một số chuẩn mực hành vi, đạo đức phù hợp với lứa tuổi trong quan hệ với bản thân; với người khác; với công việc; với cộng đồng, đất nước, nhân loại; với môi trường tự nhiên và ý nghĩa của việc thực hiện theo các chuẩn mực đó.</li> <li>• Kỹ năng nhận xét, đánh giá hành vi của bản thân và những người xung quanh theo chuẩn mực đã học; kỹ năng lựa chọn và thực hiện các hành vi ứng xử phù hợp chuẩn mực trong các quan hệ và tình huống đơn giản, cụ thể của cuộc sống; ...</li> </ul>
<b>TIẾNG VIỆT</b> (7 câu hỏi)	
Dạng thức câu hỏi	Mô tả
5 câu trắc nghiệm 2 câu tự luận	Các câu hỏi liên quan tới kiến thức thuộc môn Tiếng Việt trong chương trình giáo dục tiểu học, chủ yếu nằm trong chương trình lớp 4 và lớp 5 hiện hành của Bộ GD&ĐT.

NG  
 C C  
 NG  
 NG



Học sinh chọn 01 đáp án đúng nhất trong 04 lựa chọn để trả lời mỗi câu hỏi trắc nghiệm. Học sinh viết câu trả lời đối với các câu hỏi tự luận. Nội dung các câu hỏi có thể liên quan tới:

- Kiến thức về ngữ âm, chữ viết; kiến thức về từ vựng, ngữ pháp; kiến thức về phong cách ngôn ngữ và các biện pháp tu từ.
- Kiến thức về cấu tạo của văn bản; kiến thức về các kiểu văn bản: kể chuyện, miêu tả, thư.
- Kỹ năng đọc hiểu nội dung, ý nghĩa của văn bản; kỹ năng nhận biết một số chi tiết nghệ thuật của văn bản thông qua từ ngữ, hình ảnh, nhân vật,...
- Kỹ năng viết đoạn văn, bài văn kể chuyện, miêu tả, viết thư; ...

### **BÀI KIỂM TRA 3: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH**

Thời gian làm bài: 50 phút

Tổng số câu hỏi: 22

Cách tính điểm:

- Câu 1-20: 0,3 điểm/ câu

- Câu 11: 2 điểm

- Câu 12: 2 điểm

<b>Dạng thức câu hỏi</b>	<b>Mô tả phần trắc nghiệm (20 câu)</b>
Hoàn thành câu (4 câu)	Học sinh chọn 01 đáp án đúng nhất trong 04 lựa chọn cho sẵn để hoàn thành mỗi câu.
Điền thông tin vào hội thoại (3 câu)	Học sinh chọn 01 đáp án đúng nhất trong 04 lựa chọn cho sẵn để điền thông tin bị khuyết trong đoạn hội thoại. Hội thoại có 03 chỗ trống.
Đọc và điền từ vào chỗ trống (5 câu)	Học sinh chọn 01 đáp án đúng nhất trong 04 lựa chọn cho sẵn để điền thông tin bị khuyết trong bài đọc. Bài đọc có 05 chỗ trống.
Đọc và trả lời câu hỏi (5 câu)	Học sinh chọn 01 đáp án đúng nhất trong 04 lựa chọn cho sẵn để trả lời các câu hỏi liên quan tới bài đọc. Bài đọc có 05 câu hỏi.
Viết lại câu (3 câu)	Học sinh chọn 01 đáp án đúng nhất trong 04 lựa chọn cho sẵn có chứa câu gần nghĩa gần nhất với câu cho trước.
<b>Dạng thức câu hỏi</b>	<b>Mô tả phần tự luận (2 câu)</b>
Bài viết 1	Học sinh viết một đoạn văn (khoảng 80 từ) miêu tả/nêu ý nghĩa về một hình ảnh được cung cấp.
Bài viết 2	Thí sinh viết 01 đoạn văn ngắn (khoảng 100 từ) về một chủ đề cho sẵn.

